

Khảo sát sự biến đổi dạng thức từ vựng trong “chat” trên Internet

Nguyễn Minh Cường*

*Khoa Ngôn ngữ và Văn hoá Anh - Mỹ, Trường Đại học Ngoại ngữ,
Đại học Quốc gia Hà Nội, Đường Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 30 tháng 5 năm 2008

Tóm tắt. Internet là một công cụ hữu hiệu đã tạo ra những thay đổi lớn trong mọi lĩnh vực của đời sống như kinh tế, văn hóa, giáo dục...; và ngôn ngữ không nằm ngoài ranh giới của những tác động đó. “Chat” là một hành vi giao tiếp rất phổ biến và thông dụng đối với các đối tượng sử dụng Internet và nó mang đầy đủ các chức năng của giao tiếp. Trong hình thức giao tiếp đặc biệt này, một thành tố quan trọng của ngôn ngữ - đó là từ vựng - chịu sự biến đổi nhiều nhất về dạng thức. Hiện tượng này xảy ra chủ yếu là do chủ quan của người “chat”. Những biến đổi đó giúp người “chat” tiến hành giao tiếp nhanh chóng nhưng đôi lúc gây ra sự khó hiểu hay hiểu lầm đối với người giao tiếp cùng. Bài báo này sẽ khảo sát, phân loại những biến đổi này, đồng thời cung cấp những nguyên nhân gây ra những biến đổi này.

Ngôn ngữ là nhân tố quan trọng đánh dấu sự phát triển của loài người, đồng thời nó đóng vai trò to lớn trong mọi mặt của đời sống. Mặt khác, với bản chất là một hiện tượng xã hội, ngôn ngữ được xem là một phương tiện giao tiếp quan trọng nhất của con người. Và đây là chức năng trung tâm của ngôn ngữ. Trong đó từ vựng là một trong số hạt nhân không thể thiếu trong việc hình thành và giúp thực hiện chức năng này một cách đặc lực và hiệu quả.

Như đã biết, ngôn ngữ là một hiện tượng xã hội, do đó nó mang tính chất khách quan, chứ không phụ thuộc vào ý định chủ quan của con người. Điều này có ý nghĩa là ngôn ngữ không hoàn toàn đứng yên một chỗ mà nó luôn vận động để ngày một hoàn thiện

hơn. Nó luôn vận động cùng với sự phát triển của xã hội loài người. Và đương nhiên ngôn ngữ sẽ ngày càng phát triển trở nên phong phú, đa dạng hơn rất nhiều. Lẽ dĩ nhiên, từ vựng sẽ không tránh khỏi quy luật phát triển này. Nói khác đi, từ vựng cũng phải phát triển phù hợp với từng thời điểm xã hội hay môi trường xã hội.

Vốn từ vựng của một ngôn ngữ hết sức phức tạp. Vốn từ vựng của một ngôn ngữ luôn luôn được giàu thêm bằng những từ và nghĩa mới. Cụ thể đó là sự biến đổi về dạng thức thể hiện của từ vựng cũng như lớp nghĩa của chúng. Và trong những môi trường khác nhau thì dạng thức cũng như lớp nghĩa của từ vựng có những sự khác biệt.

Môi trường “chat” trên Internet là môi trường giao tiếp hết sức đặc biệt. Trong môi trường này chức năng giao tiếp chủ đạo của ngôn ngữ là hàn huyên, chứ không chú trọng

*ĐT: 84-4-5521240

E-mail: minhcuonga10@yahoo.com

vào việc tìm hiểu hay thu nhận thông tin. Chính nhu cầu hàn huyên để giải tỏa một trạng thái tâm lý hay chỉ coi đó là một hình thức giải trí thư giãn. Và vì vậy họ mong muốn có thể giao tiếp, hàn huyên với càng nhiều đối tượng giao tiếp càng tốt. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến những biến đổi về dạng thức từ vựng trong khi hành vi "chat" được thực hiện. Những biến đổi về dạng thức trong "chat" đa phần mang tính chủ quan, đều do chính người thực hiện hành vi "chat" chủ động tạo ra nhằm thuận tiện cho mình. Hiện tượng này ngày càng có xu hướng diễn ra nhiều. Điều này cũng có nghĩa là họ cũng đã quen với những thay đổi đó và gần như không mấy làm lúng túng trong việc tiếp nhận những thông tin truyền tải mặc dù những phương tiện truyền tải, cụ thể ở đây là từ vựng có những sự biến đổi nhất định. Nói khác đi, những sự thông hiểu này một phần là do văn cảnh Internet - ở đây chúng tôi gọi là "*so-text Internet*". Đây là khái niệm khá mới mẻ đối với những người nghiên cứu ngôn ngữ. Một cách cụ thể, "*so-text Internet*" được coi là nơi diễn ra các hành vi trao đổi thông tin bằng cách tận dụng những tiện ích của Internet, trong đó bao gồm cả hành vi "chat" mà chúng tôi đang đề cập đến. Đa phần hình thức trao đổi thông tin trong loại văn cảnh này diễn ra dưới dạng văn viết (khi hình thức "chat voice" chưa phổ biến rộng rãi) - nghĩa là phải sử dụng đến chữ viết. Điều này dẫn đến sự biến đổi dạng thức từ vựng như đã giới thiệu ở trên là không thể tránh khỏi. Tuy nhiên với sự linh hoạt, người "chat" đã tự hình thành cho mình những thói quen đọc và hiểu được những biến đổi đó. Nói một cách khác, họ tự tạo ra một hình thức ngôn ngữ riêng cho mình sao cho tiện lợi nhất đối với hành vi "chat" của họ. Trong khuôn khổ của bài báo này, chúng tôi chỉ xin bàn luận về những biến đổi bề mặt của từ vựng trong "chat" trên Internet - đó là sự biến đổi dạng thức.

1. Từ vựng - chức năng của từ vựng

Trong kết cấu ngôn ngữ, từ vựng thuộc vào ngoại biên về nghĩa vì nó trực tiếp gọi tên các sự vật hiện tượng của thực tế. Theo GS. Nguyễn Thiện Giáp [1], từ vựng là "*sưu tập, tập hợp các từ của ngôn ngữ*". Còn theo từ điển tiếng Việt (2002), từ vựng được định nghĩa là "*toàn bộ nói chung từ vị và các từ của một ngôn ngữ*". Tuy nhiên trong thực tế, nội dung của khái niệm này rộng hơn. Điều này có ý nghĩa là từ vựng không chỉ bao gồm các từ mà còn cả các ngữ (những cụm từ có sẵn) tương đương với từ. Mặc dù vậy, trong các đơn vị từ vựng, từ là đơn vị cơ bản. Khi xét đến định nghĩa từ, hiện nay có hơn 200 định nghĩa khác nhau, nhưng với tính cách là định nghĩa sơ bộ, có tính chất giả thiết, chúng ta có thể chấp nhận định nghĩa sau: "*Từ là đơn vị nhỏ nhất của ngôn ngữ, độc lập về ý nghĩa và hình thức*".

Do là một bộ phận cấu thành của ngôn ngữ nên từ vựng giữ các chức năng khác nhau:

- Mang chức năng định danh
- Không mang chức năng định danh (số từ, thán từ, các từ phụ trợ)
- Biểu thị khái niệm
- Là dấu hiệu của những cảm xúc (thán từ)
- Liên hệ với những sự vật hiện tượng ngoài thực tế
- Biểu thị những quan hệ trong ngôn ngữ

2. Sự biến đổi dạng thức từ vựng

Trong quá trình sử dụng ngôn ngữ, các từ luôn được tái hiện với tư cách là những đơn vị có sẵn và một từ luôn được gặp trong những trường hợp sử dụng riêng biệt khác nhau, trong những trường hợp tái hiện của nó. Ngoài ra, trong nhiều trường hợp, không chỉ đơn thuần cách sử dụng của từ mà thậm chí cả dạng thức của từ cũng bị biến đổi.

Theo quan niệm của chúng tôi, khi xét về mặt ngôn ngữ thì sự biến đổi dạng thức từ vựng chính là sự thay đổi về hình thức bên ngoài hay nói cách khác chính là cái “vỏ” ngoài của từ so với những từ gốc có ý nghĩa tương đương.

3. Một số biến đổi dạng thức từ vựng trong “chat” trên Internet

Trong phạm vi tư liệu khảo sát, một số những sự biến đổi sau đây là phổ biến và xuất hiện nhiều hơn cả. Những sự biến đổi này có thể là sự thay đổi đôi với một bộ phận cấu thành từ vựng, hay cũng có thể là sự biến dạng hoàn toàn, ngoài ra còn có sự thay thế bằng hình thức khác ví như các kí hiệu hay thậm chí bằng những từ có phiên âm tương ứng...

3.1. Dạng thức từ vựng tiếng Việt không dấu

Xét trong hệ thống tiếng Việt, dấu của từ và dấu thanh điệu là một thành tố vô cùng quan trọng trong việc cấu thành nên từ vựng cũng như tạo nên ý nghĩa của từ vựng. Trong

“chat” trên mạng Internet, các dấu này mất đi, do vậy chúng ta có thể coi hiện tượng mất dấu bất đắc dĩ này là một hình thức của lỗi chính tả. Bởi nếu theo nguyên tắc chuẩn chính tả thì hình thức chữ viết phải đảm bảo đầy đủ về mặt âm vị, âm tiết, hình vị, hình thức bao gồm trong đó là dấu của từ và thanh điệu nếu có. Mặt khác, nhờ những dấu của từ và dấu thanh điệu này mà chúng ta có thể phân biệt được từ này với từ khác qua chính vỏ bên ngoài hay nói cách khác là hình thức của từ. Trong môi trường này, các dấu không được biểu hiện ra nên khiến cho người “chat” gặp phải nhiều tình huống hiểu nhầm hay hiểu sai lệch thậm chí không thể hiểu thông tin truyền tải trong khi “chat”. Hiện tượng mất dấu của từ xuất hiện ở các kí tự chữ cái như “ư, ô, ơ, ă, â, ê, đ”; ngoài ra ngoài thanh không thì tất cả các thanh điệu của từ nếu có như thanh huyền “`”, thanh sắc “’”, thanh hỏi “?””, thanh ngã “~”, và thanh nặng “.” đều mất khi truyền tải qua “chat”. Qua một số ví dụ sau chúng ta có thể thấy rõ điều này.

Dạng tiếng Việt không dấu	Dạng gốc
nhieu	nhiều
huong	hương/hường
nhung	nhung/nhung/những
ra roi	rã rời/ra rồi
lung tung	lung tung/ lúng túng
khong quen	không quen/ không quen
boi	bời/bói
đa	dạ/đá/đã
hen du	(không thể diễn giải)
tham hien	(không thể diễn giải)

Ví dụ:

Suot_doi_ben_anh: muon roi em phai ve day

Bkboy: anh cung moi qua roi cung sap ra roi roi day. bye nhe

Suot_doi_ben_anh: bye

Trong ví dụ trên, từ “ra roi” có thể rất khó hiểu đôi với người “chat” có nick

“suot_doi_ben_anh” mặc dù hoàn cảnh ở đây rất cụ thể để tham chiếu, suy diễn về mặt ý nghĩa của từ. “Ra roi” có thể có nghĩa “rã rời” hay “ra rồi”. Khi dựa vào phần “anh cung moi qua roi” (anh cũng mới quá rồi) thì từ “ra roi” được hiểu là “rã rời” sẽ chính xác hơn. Với ví dụ này, chúng ta thấy sự biến đổi

dạng thức từ vựng có những ảnh hưởng trực tiếp tới ý nghĩa của những từ đó. Chính vì thế người "chat" sẽ gặp rất nhiều trường hợp lúng túng trong việc tiếp nhận những thông điệp truyền đạt. Đây là một trong số những hạn chế của "chat" khi so với dùng các ký tự đầy đủ hay các phần mềm mã hóa tiếng Việt cũng như khi so với hình thức giao tiếp trên điện thoại. Trong hình thức này, người thực hiện hành vi giao tiếp có thể hiểu được thông tin truyền tải, và hầu như không có hiện tượng hiểu sai lệch hay không thể hiểu các thông tin vì mỗi từ được đặc trưng bởi một âm tiết, âm thanh khác nhau.

3.2. *Dạng thức từ vựng tiếng Việt dùng dấu hay thanh điệu "giả"*

Để hạn chế được hiện tượng khó hiểu trong việc truyền đạt thông tin đối với những ký tự không dấu, thay vì sử dụng các phần mềm mã hóa tiếng Việt, người "chat" đã

dùng các kí hiệu trên bàn phím để thay thế cho chính những từ thiếu dấu hay thanh điệu này; hình thức này được gọi là *cấu tạo dấu và thanh điệu "giả"*. Các ký hiệu được phân loại như sau: " ^ " được dùng trong "â, ô, ê", kí hiệu " ' " cho "ư, ơ", " ? " được dùng thay cho thanh hỏi, " ~ " cho dấu ngã, " ` " thay cho dấu huyền, " / " cho dấu sắc; tuy nhiên không có dấu nào thay thế hay dùng cho "đ/ă". Mặc dù vậy, cách thức tạo thanh điệu, dấu "giả" này vẫn bị coi là một hình thức biến đổi dạng thức từ vựng mang đậm tính chủ quan, bởi thông thường các dấu của từ cũng như các thanh điệu nhất thiết phải tuân theo độ chuẩn của chính tả, nghĩa là các dấu đó phải nằm đúng ở vị trí đã được quy định. Tuy vậy, ở đây, các dấu "giả" này được đặt ở vị trí cuối từ, bên ngoài từ chứ không nằm trên nguyên âm như quy định. Các ví dụ dưới đây sẽ phân nào giúp tường minh sự biến đổi này:

Dạng dùng dấu, thanh điệu "giả"	Dạng gốc
da^u	đâu
vung~ tau`	vùng tàu
thuy?	thủy
tu'ong tu'	tương tư
buo^`n	buồn
qua' tro'`i	quá trời
thoai? mai'	thoải mái
co`n la^u	còn lâu
o^ hay	ô hay
khong^ doi nao`	không đời nào

3.3. *Dạng thức từ vựng dùng sai bộ phận cấu thành*

Một trong số những nguyên nhân nổi bật trong việc hình thành nên những biến đổi trong dạng thức từ vựng trong "chat" đó là người thực hiện hành vi "chat" muốn giao tiếp với nhiều người. Do đó tốc độ gõ bàn phím phải càng nhanh càng tốt và chính điều này đã gây ra hiện tượng sai một hay nhiều bộ phận cấu thành nên từ. Nói khác đi, hiện

tượng sai của các từ trong trường hợp này là một hay một số bộ phận cấu thành nên từ vựng có thể bị khuyết đi, những thành tố khác không phù hợp hay chỉ là yếu tố thừa được thêm vào, hoặc đó là sự sai về vị trí sắp đặt, cách bố trí các bộ phận cấu thành không đúng theo quy định, và tất cả những sai sót này đều khiến cho từ trở nên vô nghĩa. Đây có thể quy là một trong số các lỗi chính tả. Phạm vi xuất hiện hiện tượng này khá rộng bởi

nó không đơn thuần chỉ xuất hiện ở một số từ nhất định mà có thể xảy ra với mọi từ trong mọi hoàn cảnh. Những ví dụ điển hình dưới đây một phần nào chứng minh cho điều này:

3.3.1. Hiện tượng khuyết bộ phận câu thành nên từ vựng

* Trong tiếng Việt

Dạng thức có bộ phận bị khuyết	Dạng gốc
nguy n	nguyên/ngu yên
tru o g	tr u ờng
ch u en	ch u uyện
Kh a h Hoa	Kh a nh Hòa
ngo i ngu	ngo a i ngữ

* Trong tiếng Anh

Dạng thức có bộ phận bị khuyết	Dạng gốc
univ e rt y	univ e rsity
sing a p r e	sing a p o re
be u tif i l	be u tif i ful
tom o row	tom o rw o rr o w
tran s prt a tt o n	tran s prt a tt o n

3.3.2. Hiện tượng thêm các thành tố khác vào từ vựng

* Trong tiếng Việt

Dạng thức có thành tố thêm vào	Dạng gốc
ngo a io thu w ong	ngo a i th u ơng
kh o nd g	kh o ng
v a f	v a
y w eru	y e u
b i n h thi o ungh	b i n h th u ờng

* Trong tiếng Anh

Dạng thức có thành tố thêm vào	Dạng gốc
freshj m an	fresh m an
frieun f d	frieun d
y e rah	y e ah
go s d	go o d
junior	junior

Hiện tượng này xảy ra là bởi trong thời gian ngắn với tốc độ gõ phím nhanh, người "chat" không để ý tới các ký tự lân cận những ký tự mà họ muốn gõ nên đã gõ nhầm và đương nhiên các ký tự này đồng thời được

hiện thị lên màn hình làm biến đổi dạng thức từ vựng.

3.3.3. Hiện tượng sắp xếp sai thành tố câu tạo từ vựng

* Trong tiếng Việt

Dạng thức có thành tố sai vị trí	Dạng gốc
cau	c u a
nhugn	nh u ng
pahi	p h ai
ngaoi ngu	ngo a i ngữ
htay	th u y

* Trong tiếng Anh

Dạng thức có thành tố sai vị trí	Dạng gốc
e-mali	e-mail
yoru	y o ur
bey	b y e
htat	th a t
intrestign	int e resting

Nói chung, hình thức biến đổi dạng thức của từ vựng này khá phổ biến và hoàn toàn nằm ngoài ý chú quan của người "chat". Mặc dù trong một số hoàn cảnh nhất định thì người "chat" khó có thể hiểu được những thông tin truyền đạt, tuy nhiên đa phần người "chat" vẫn có thể suy luận được ý nghĩa của người cùng "chat" muốn truyền tải.

3.4. Dạng thức từ vựng dùng phiên âm thay thế

Đây là một hình thức biến đổi mang tính chủ quan. Cũng với một lý do là người "chat" mong muốn được giao tiếp với một số lượng tôi đa, người "chat" muốn tiết kiệm thời gian, nên đã chủ động tìm ra những cách thức ngắn nhất để đưa thông tin với người "chat" cùng. Một trong số cách thức đó là dùng những chữ cái hay từ có phiên âm giống hay gần giống từ mà mình muốn truyền tải. Hầu hết những từ, chữ cái này thường rất ngắn gồm một hay hai ký tự, và đôi khi là những từ, chữ cái có số lượng ký tự ít hơn từ muốn truyền đạt. Tuy nhiên phạm

vi sử dụng của dạng thức này khá hẹp, không phổ biến như các hình thức nêu trên. Trong trường hợp này, mức độ giống nhau của các phiên âm giữa những từ, chữ hay thậm chí là các con số thay thế với nhau cũng khác nhau. Chúng được chia như sau:

3.4.1. Giống nhau 100% về mặt phiên âm

Dạng thức thay thế	Dạng gốc	Phiên âm
4	for	/fɔ: r /
r	are	/a: r/
y	why	/wai/
c	see	/si:/
no	know	/nəu/

3.4.2. Giống nhau 50% về mặt phiên âm

Dạng thức thay thế	Dạng gốc
cauz /kɔ: z /	because /bɪ kɔ: z/
N /en/	and /ænd/ hay /ən/

3.4.3. Giống nhau về vỏ phiên âm

Trong “chat”, người Việt chủ yếu dùng hình thức này bằng cách lấy một số từ, chữ cái tiếng Anh mà âm thanh phát ra có những nét giống nhau. Điều này có nghĩa là trong giao tiếp hàng ngày, khi nói hay phát âm một từ hay chỉ một chữ cái nào đó trong tiếng Anh, người ta thấy gần giống như một số từ được phát âm trong tiếng Việt, họ sử dụng luôn trong khi thực hiện hành vi “chat”. Và đôi với hệ thống tiếng Việt cũng xuất hiện hiện tượng này.

Dạng thức thay thế	Dạng gốc
2 /hai ¹ /	hi /hai/
m /em/	em /em ¹ /
tu /tu ¹ /	two /tu:/
ti /ti ¹ /	three /θri:/
z /zed/	ret /zɛt ⁵ /
bai /bai ¹ /	bye /bai/
lóp /lɔp ⁵ /	love /lʌv/

3.5. Dạng thức từ vựng bị lược bỏ

Hình thức biến đổi này cũng xuất phát từ nguyên nhân là người “chat” muốn tận dụng

thời gian trong “chat”. Do đó, họ cắt bớt hay tự lược bỏ một số phần, một số bộ phận cấu thành. Nếu chi xét về bề mặt của sự biến đổi này thì chúng ta có thể nhầm lẫn hay đồng nhất với dạng thức bị khuyết thành phần cấu thành của từ vựng như đã bàn tới ở trên. Thực chất hai hình thức này hoàn toàn khác nhau. Dạng thức từ vựng biến đổi do bị khuyết một hay một số bộ phận cấu thành mang tính khách quan, trong khi đó hiện tượng lược bỏ bộ phận cấu thành lại mang tính chủ quan. Hình thức này thường xảy ra đôi với hình thức “chat” bằng tiếng Anh.

* Trong tiếng Anh

Dạng thức có thành tố bị lược bỏ	Dạng gốc
ar	are
plz/pls	please
whr	where
yr	year
hv	have
Dd	did
wer	were
fr/frm	from
gbye/gobye	goodbye
wht r u doing n?	what are you doing now?
stu	student

* Trong tiếng Việt

Dạng thức có thành tố bị lược bỏ	Dạng gốc
ko [^]	không
tr	trường

Từ những ví dụ trên chúng ta thấy rằng, những yếu tố bị lược bỏ đi là một số yếu tố không quan trọng và thường là các nguyên âm, thậm chí một số phụ âm như các phụ âm cuối. Do vậy, mặc dù những từ đó bị lược bỏ, người “chat” vẫn có thể suy đoán được trong ngữ cảnh cụ thể thông tin truyền tải.

3.6. Dạng viết tắt thay cho từ vựng

Hình thức này hoàn toàn mang tính chủ quan. Chúng đều do chính người “chat” chủ

động tạo ra. Hình thức viết tắt này cũng rất đa dạng và phong phú, nó không chỉ xuất hiện trong “chat” bằng hệ thống tiếng Việt mà còn cả trong tiếng Anh. Trong “chat” bằng tiếng Anh thì hiện tượng này xảy ra với tần số cao hơn. Hình thức này do người “chat” nghĩ ra và được một cộng đồng “chat” chấp nhận, sau đó lan rộng và trở nên phổ biến.

* Trong tiếng Anh

Dạng thức viết tắt	Dạng gốc
A	age
L	location
S	sex
B	boy
G	girl
M	male
F	female
U	university
Y	yes/ yeah
N	no/not

* Trong tiếng Việt

Dạng thức viết tắt	Dạng gốc
nncg	ngoại ngữ cầu giấy
sv	sinh viên
bk	bách khoa
hs3	học sinh cấp 3

3.7. Các cấu tạo mới đôi với dạng thức từ vựng

Trong quá trình “chat”, rất nhiều từ mới lạ xuất hiện; sự mới lạ ở đây không phải là về mặt nghĩa mà là về dạng thức biểu hiện của nó. Thường hình thức này không phổ biến trong “chat” bằng tiếng Anh mà chủ yếu bằng tiếng Việt. Các sáng tạo này hầu hết được thể hiện bằng cách dùng song song hai yếu tố ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh, hay dùng những từ đơn lẻ tiếng Anh ghép lại một cách phi ngữ pháp và được hiểu theo nghĩa gốc của từng từ ghép lại. Các sáng tạo này lúc đầu đều mang tính “cá nhân” nhưng sau đó trở thành “đại chúng”. Có thể chia hình thức này theo các dạng cấu tạo như sau:

3.7.1. Ghép song song hai yếu tố ngôn ngữ tiếng Anh, tiếng Việt

Dạng sáng tạo mới	Nghĩa tương đương
I can/ xin you	anh/tao...xin/can em/mày
Cono	còn lâu
Oh`	ồ
Ah`	à
sap out	sắp ra khỏi mạng
did chua	đứt chưa (không thành công/thất bại)

3.7.2. Ghép các từ đơn lẻ tiếng Anh, hiểu theo ý của từng đơn vị từ ghép lại

Dạng sáng tạo mới	Nghĩa tương đương
no star where	không sao đâu
no table	miễn bàn
no 4 go	vô tư đi
I plz you	anh/tao... xin em/mày...
you stay me go	ở lại nhé anh đi đây
me no go sorry	anh/tao không đi xin lỗi
sugar what	đường nào

3.7.3. Các cách sáng tạo mới khác

Dạng sáng tạo mới khác	Nghĩa tương đương
sipo	hội cô đơn (single people organization)
yrm/ yroma	yêu rồi mà
wq	quá
wen	wen
makeno	mặc kệ nó
ria lí	really
bo bo/ bi bi/pp/ bíp bo	tam biệt

3.8. Dùng các kí hiệu trên bàn phím, các icon (biểu tượng) để thay thế cho từ vựng

Những kí hiệu hay biểu tượng được sử dụng để thay thế cho những từ vựng, thông điệp muốn truyền tải thường là: “(,), “, ”, >, <, ?, /, \, !, ~, @”. Các kí hiệu này có thể kết hợp với nhau để thay thế cho một từ hay một cụm từ nhất định nào đó. Như vậy ở đây, dạng thức của từ không chỉ đơn thuần là sự biến đổi từ dạng chữ viết này sang dạng chữ viết khác mà đã chuyển thành dạng kí tự khác.

Các kí hiệu thay thế	Nghĩa tương đương
@	at
!!!	trời ơi
???	gì thế/gì vậy
that*	thật sao
***	sao?
: tay	chia tay
&^?	còn ông/còn anh (thì sao)
☺/:)	OK/đồng ý
☹/:(xin lỗi
!?	không hiểu
◇	có
☺/:	cũng được
!:)<	con trai/ male/boy
*:)	con gái/ female/girl

Trên đây là những tìm hiểu, khảo sát của tôi về những biến đổi dạng thức của từ vựng

trong môi trường đặc biệt “chat” trên Internet. Một điều đáng quan tâm là sự tác động của những biến đổi này đối với giới trẻ trong việc sử dụng ngôn ngữ. Họ đang dẫn “chat hóa” ngôn ngữ tiếng Việt. Nói khác đi, họ đang đưa chính những biến đổi này vào cuộc sống, vào vốn ngôn ngữ mẹ đẻ. Đây là một thói quen không tốt vì nó làm mất đi sự trong sáng của ngôn ngữ Việt.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Thiện Giáp, *Từ vựng học tiếng Việt*, NXB Giáo dục, 2002.

A survey on changes in word forms in Internet chatting

Nguyen Minh Cuong

*Department of English - American Language and Culture, College of Foreign Languages,
Vietnam National University, Hanoi, Pham Van Dong Street, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Internet proving as a useful tool has made great changes in all aspects of life like in economy, culture, education, etc.; linguistics cannot lie beyond the boundary of these impacts by the Internet. “Chat” is considered a popular way of communication to the Internet users, and it bears all the communicative functions. As far as this special means of communication is concerned, one important linguistic component, the morphology, has suffered most from the changes in the forms. This linguistic phenomenon is subjectively caused by the Internet users. These manmade changes are said to help speed up the communication process; however, at times, this entails great confusion or even misunderstanding to the chatting partners. Therefore, this article is expected to survey, classify these changes, and clarify the causes to these changes.